TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2021/HNGĐ- ST
Ngày: 28/9/2021
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Thống;

2. Ông Đoàn Văn Thống;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2021/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, thông báo số 81/2021/TB- TA ngày 06 tháng 9 năm 2021 và thông báo số 21/2021/TB- TA ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích C- Sinh năm 1983 (Vắng mặt- có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Liên gia A, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Lê Công C- Sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C trình bày có nội dung:

Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Lê Công C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, ông bà đã có hai con chung: Lê Nguyễn Hoài A - sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006;

Trong quá trình chung sống thì đến năm 2006 ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập bà C. Cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bản thân bà C không chịu đựng nổi cuộc sống một mình phải lo hết cho gia đình nên bà đã đưa hai đứa con nhỏ về nhà mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm, không thể quay về để tiếp tục chung sống với nhau nên bà Nguyễn Thị Bích C yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Lê Công C là vợ chồng;

- Về con chung: Các con chung Lê Nguyễn Hoài A - sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006 từ nhỏ là các cháu đã sống với bà C nên bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Bà C xác định không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Công C vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án, xét thấy bà Nguyễn Thị Bích C, ông Lê Công C chung sống với nhau từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật do đó quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Vợ chồng đã có 02 con

chung: Lê Nguyễn Hoài A- sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên ông bà sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Bích C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng cho bà và ông Lê Công C là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C, tuyên bố quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Bích C và ông Lê Công C không phải là quan hệ vợ chồng. Về con chung: Giao các con chung Lê Nguyễn Hoài A - sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006 cho bà Nguyễn Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Lê Công C, có nơi cư trú tại đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Công C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Bích C và ông Lê Công C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; đây là quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận. Do đó, nay bà Nguyễn Thị Bích C có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ

giữa bà và ông Lê Công C là quan hệ vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận;

- *Về con chung:* Các con chung là Lê Nguyễn Hoài A - sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006 từ nhỏ do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ; do đó cần giao các cháu cho bà Nguyễn Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích C không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Bích C không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích C;

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Bích C và ông Lê Công C là quan hệ vợ chồng;

- *Về con chung:* Giao các con chung là Lê Nguyễn Hoài A- sinh ngày 29/4/2004, Lê Nguyễn Anh V - sinh ngày 08/7/2006 cho bà Lê Thị Bích Chi trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích C không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Bích C không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Bích C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0013922 ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích C, bị đơn ông Lê Công C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS,
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương